

# SSIAM VNFIN LEAD ETF



THÔNG TIN QUỸ – THÁNG 4/2023

## THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

|                            |   |
|----------------------------|---|
| TÊN QUỸ                    | SSIAM VNFIN LEAD ETF  |
| CHỈ SỐ THAM CHIẾU          | VNFIN LEAD Index  |
| SÀN NIÊM YẾT               | Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX)                |
| BẮT ĐẦU HOẠT ĐỘNG          | 10/01/2020  |
| QUY MÔ QUỸ                 | <b>3.785 Tỷ Đồng</b> (~161,43 triệu USD) (tại ngày 30/4/2023) |
| TIỀN TỆ                    | VND   |
| CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ        | Công ty Quản lý quỹ SSI (SSIAM)                               |
| GIÁ DỊCH VỤ QUẢN LÝ        | 0,65%   |
| TỔNG SỐ LƯỢNG CCQ LƯU HÀNH | 248.900.000   |

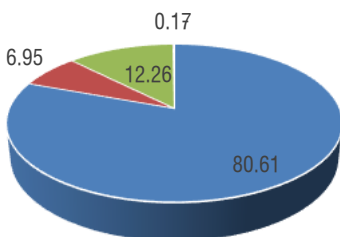
## CHỈ SỐ CƠ BẢN CỦA QUỸ

|                   |       |
|-------------------|-------|
| SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU | 22    |
| HỆ SỐ P/E         | 6,98x |
| HỆ SỐ P/B         | 1,15x |

Nguồn: Bloomberg, SSIAM

## CƠ CẤU DANH MỤC

### CƠ CẤU DANH MỤC VNFin Lead



- Ngân hàng TM
- Ngân hàng TM thuộc sở hữu Nhà nước
- Công ty chứng khoán
- Công ty bảo hiểm

## MÔ TẢ VỀ QUỸ

Quỹ SSIAM VNFIN LEAD ETF hướng tới đạt hiệu quả đầu tư bám sát mức sinh lời thực tế của Chỉ số VNFIN LEAD trong tất cả các giai đoạn.

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động và đầu tư vào các cổ phiếu cấu thành chỉ số VNFIN LEAD. Quỹ không hướng tới đạt hiệu quả vượt trội so với Chỉ số VNFIN LEAD hoặc đưa ra các biện pháp phòng thủ khi TTCK Việt Nam giảm điểm.

Với việc đầu tư thụ động, Quỹ có thể duy trì tỷ lệ vòng quay danh mục thấp hơn các quỹ có chiến lược đầu tư chủ động, từ đó giảm chi phí hoạt động cho Quỹ.

## CHỈ SỐ THAM CHIẾU – VNFIN LEAD Index

Chỉ số VNFIN LEAD là chỉ số bao gồm tối thiểu 10 cổ phiếu, được lựa chọn từ các cổ phiếu thành phần thuộc chỉ số ngành tài chính -

VNAllShare Financials index (viết tắt VNFIN) đạt tiêu chí lựa chọn với giới hạn tỷ trọng 15% đối với cổ phiếu đơn lẻ, có giá trị giao dịch tối thiểu 10 tỷ đồng và tỷ suất quay vòng tối thiểu 0,1%.

Chỉ số VNFIN LEAD đại diện cho > 30% vốn hóa của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Chỉ số được xem xét điều chỉnh theo khối lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng định kỳ 3 tháng/lần và các cổ phiếu thành phần 6 tháng/lần.

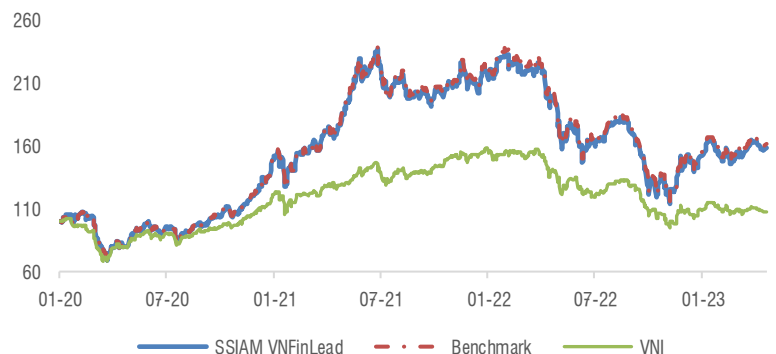
## HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ

|                      | NAV/CCQ (VND)    | Tăng trưởng (%) |         |            |                   |
|----------------------|------------------|-----------------|---------|------------|-------------------|
|                      |                  | 1 tháng         | 3 tháng | Từ đầu năm | Từ ngày thành lập |
| ETF SSIAM VNFIN LEAD | <b>15.857,81</b> | -1,24%          | -3,14%  | 11,29%     | <b>14,99%</b>     |
| VNFIN LEAD           |                  | -1,19%          | -3,27%  | 11,24%     | <b>15,63%</b>     |

(\* Ngày kết thúc đăng ký góp vốn: 10/01/2020.

Dữ liệu hoạt động đề cập ở đây thể hiện hiệu quả hoạt động trong quá khứ, không đảm bảo kết quả tương lai. Giá trị lợi nhuận và số tiền gốc của khoản đầu tư sẽ thay đổi, theo đó giá trị chứng khoán của nhà đầu tư khi bán có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị vốn ban đầu.

## HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ SSIAM VNFin Lead ETF (%)



## CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG – THÁNG 04 2023

### Sản xuất chậm lại do sự suy giảm thương mại với các đối tác quan trọng

**Xuất khẩu giảm mạnh.** Sau khi tăng 14% M/M trong tháng 3, xuất khẩu đã đảo chiều khi giảm 7% M/M và 17% Y/Y trong tháng 4. Sự giảm mạnh này bắt nguồn từ sự sụt giảm 22% so với cùng kỳ năm ngoái của giá trị xuất khẩu sang Mỹ. Theo dữ liệu từ Tổng cục Thống kê, Mỹ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam trong 4T/23 với kim ngạch ước tính đạt 28,4 tỷ USD. Ngoài ra, xuất khẩu sang Trung Quốc và EU cũng cho thấy sự sụt giảm. Tổng giá trị nhập khẩu của Trung Quốc từ Việt Nam giảm 8% so với cùng kỳ năm ngoái trong tháng 4.

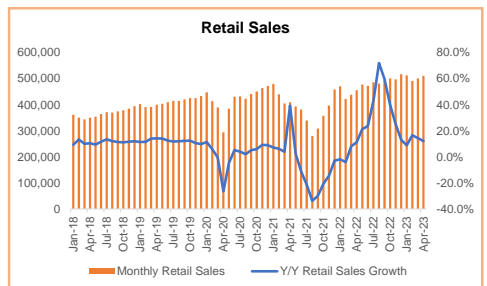
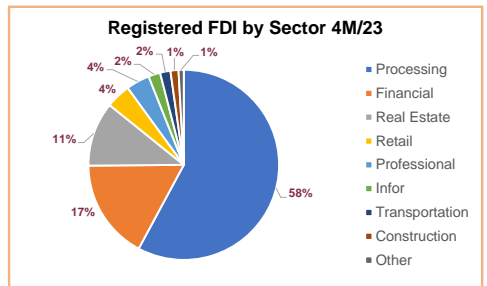
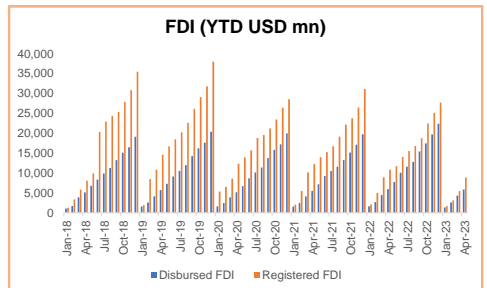
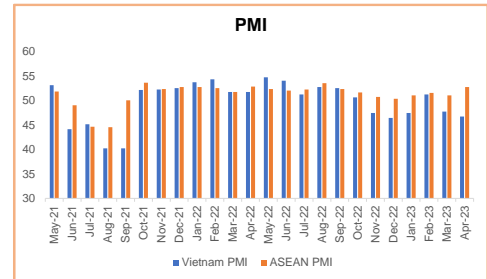
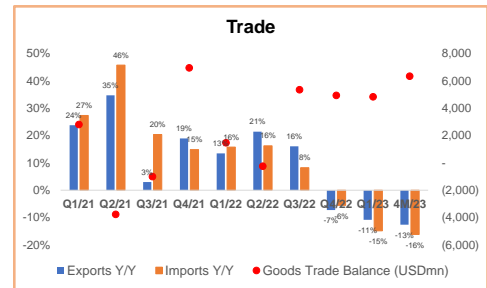
**Kim ngạch xuất khẩu thấp hơn tác động mạnh đến sản xuất.** PMI của Việt Nam giảm từ 47,7 trong tháng 3 xuống 46,7 trong tháng 4. Đây là lần thứ năm chỉ số ghi nhận dưới 50 trong sáu tháng qua mặc dù các nước còn lại của ASEAN đang ghi nhận sự gia tăng sản xuất mạnh mẽ. PMI trung bình của ASEAN đã ở trên mức 50 kể từ tháng 8/2021 và đạt mức 52,7 trong tháng 4. Chỉ số sản xuất công nghiệp của Việt Nam tăng 0,5% so với cùng kỳ năm ngoái trong tháng 4 sau khi giảm 2% so với cùng kỳ năm ngoái trong tháng 3.

**Việt Nam ghi nhận thặng dư thương mại lớn dù xuất khẩu giảm.** Mặc dù xuất khẩu giảm, Việt Nam ghi nhận thặng dư thương mại ước tính 6,4 tỷ USD trong 4T/23 do nhập khẩu giảm nhanh hơn. Nhập khẩu tháng 4 giảm 8% M/M và 20% Y/Y. Theo đó, mặc dù khối doanh nghiệp FDI cho thấy thặng dư thương mại trong khi các doanh nghiệp trong nước thì không, sẽ khó có thể định lượng chính xác sự sụt giảm nhập khẩu đến từ việc các nhà máy sử dụng hết hàng tồn kho bộ phận và nguyên vật liệu hiện có, và đến từ sự sụt giảm nhập khẩu do tiêu thụ hàng hóa nhập khẩu trong nước thấp hơn. Việt Nam xuất siêu 24,4 tỷ USD với Mỹ và 9,3 tỷ USD với EU nhưng ghi nhận nhập siêu 16,8 tỷ USD với Trung Quốc và 8,9 tỷ USD với Hàn Quốc. Tổng thặng dư thương mại chắc chắn sẽ hỗ trợ giá trị đồng tiền VND và đóng góp vào tăng trưởng GDP.

**Đầu tư trong lĩnh vực ngân hàng đã giúp thúc đẩy FDI.** Việt Nam đã ghi nhận dòng vốn FDI mạnh mẽ trong tháng 04. Các nhà đầu tư đã đăng ký 3,4 tỷ USD và giải ngân 1,5 tỷ USD trong tháng và lần lượt đạt giá trị lũy kế từ đầu năm là 8,9 tỷ USD (-18% Y/Y) và 5,9 tỷ USD (-1,2% Y/Y), thu hẹp khoảng cách với tốc độ giải ngân kỷ lục của năm 2022. Tuy đầu tư trực tiếp FDI hiện vẫn đang thiếu hụt các dự án ngành điện do cản trở chính phủ phê duyệt Quy hoạch Phát Triển Điện Lực Quốc Gia, kênh này đã nhận được sự thúc đẩy từ ngành ngân hàng. SMBC đã đầu tư 1,5 tỷ USD cho 15% cổ phần của VPBank, báo hiệu các nhà đầu tư nước ngoài vẫn tiếp tục tin tưởng vào lĩnh vực ngân hàng Việt Nam bất chấp những khó khăn gần đây từ thị trường trái phiếu doanh nghiệp và cho vay bất động sản.

**Du lịch đóng góp vào tăng trưởng doanh số bán lẻ.** Doanh số bán lẻ danh nghĩa tăng 12,1% so với cùng kỳ năm ngoái trong tháng 4, tăng 12,9% YTD, và tăng gần 27% so với cùng giai đoạn năm 2019 - trước đại dịch Covid. Dữ liệu tháng 4 cho thấy xu hướng tăng trưởng giảm nhẹ trong ba tháng qua, nhưng doanh số bán hàng có thể phục hồi vào tháng 5 nhờ kỳ nghỉ lễ cuối tuần dài hơn. Hơn nữa, du lịch tiếp tục phục hồi về mức trước đại dịch. 984.000 lượt khách nước ngoài đã nâng tổng số YTD lên 3,7 triệu, vượt qua tổng số của cả năm 2022. Hàn Quốc chiếm số lượng khách mới lớn nhất, với 26% trong khi lượng khách Trung Quốc chiếm 11% tổng số. So sánh 4T/2023 với 4T/2019, tổng lượng khách đến bằng 76% so với mức trước đại dịch. Lượng khách Trung Quốc tăng từ 18% so với mức trước đại dịch vào tháng 3 lên 26% vào tháng 4. Với tốc độ hiện tại, Việt Nam có triển vọng đón hơn 12 triệu lượt du khách vào năm 2023 so với 18 triệu vào năm 2019.

**Giá dầu giảm tiếp tục đẩy lạm phát xuống.** CPI Y/Y tiếp tục xu hướng giảm từ tháng 3 và đạt 2,81% trong tháng 4. Lạm phát cơ bản cũng giảm 32 điểm cơ bản xuống 4,56%. Thực phẩm và nguyên liệu chế biến thực phẩm, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong rổ CPI, góp phần làm giảm lạm phát. Đặc biệt, lĩnh vực giao thông vận tải tiếp tục giảm phát với mức giảm gần 4%. Thị trường dầu mỏ toàn cầu đã phớt lờ những lo ngại trước đó về việc các quốc gia thành viên OPEC thống nhất cắt giảm sản lượng, khi giá dầu thô Brent chỉ duy trì tương đương hoặc dưới ngưỡng 80 USD/thùng. Đây sẽ tiếp tục là yếu tố làm giảm lạm phát khi giá dầu ở quanh mức 125 USD/thùng vào cuối quý 2 năm ngoái. Trong khi đó, Việt Nam đã tăng giá điện thêm 3%, điều này sẽ tạo ra một số áp lực trong tháng Năm. Tuy vậy, giá xăng dầu gần đây đã giảm xuống mức thấp nhất trong vòng bốn tháng.



| (As of 28 April 2023)  | 1M Δ         | 3M Δ         | 1YR Δ         | VNI End Weight | TTM P/E     | Current P/B | ROE         | Beta       |
|------------------------|--------------|--------------|---------------|----------------|-------------|-------------|-------------|------------|
| Communication Services | -5.3%        | -5.8%        | -47.5%        | 0.1%           | 10.5        | 1.0         | 5.6         | 1.1        |
| Consumer Discretionary | 1.5%         | -11.7%       | -37.2%        | 3.1%           | 16.3        | 2.0         | 13.0        | 1.0        |
| Consumer Staples       | -4.1%        | -13.2%       | -18.1%        | 11.0%          | 26.4        | 3.0         | 12.3        | 0.7        |
| Energy                 | 0.9%         | 1.3%         | -17.8%        | 1.7%           | 26.7        | 1.4         | 5.4         | 1.1        |
| Financials             | -1.7%        | -3.4%        | -9.8%         | 41.1%          | 8.8         | 1.5         | 18.4        | 1.1        |
| Health Care            | 8.9%         | 2.8%         | -8.8%         | 0.8%           | 13.0        | 2.0         | 17.0        | 0.6        |
| Industrials            | 2.4%         | -5.4%        | -33.3%        | 8.0%           | 152.3       | 1.5         | 5.4         | 1.0        |
| Information Technology | -0.6%        | -7.9%        | -16.1%        | 2.3%           | 15.2        | 3.4         | 24.5        | 0.9        |
| Materials              | 1.9%         | -5.9%        | -43.1%        | 7.3%           | 19.3        | 1.2         | 6.4         | 1.4        |
| Real Estate            | -2.1%        | -4.5%        | -38.1%        | 17.5%          | 12.9        | 1.5         | 12.2        | 0.9        |
| Utilities              | -4.5%        | -6.7%        | -12.2%        | 7.2%           | 11.4        | 1.9         | 17.8        | 0.8        |
| Not Classified         | 3.2%         | -6.7%        | -47.1%        | 0.1%           | 9.0         | 0.5         | 6.1         | 1.1        |
| <b>VN-Index</b>        | <b>-1.5%</b> | <b>-5.6%</b> | <b>-23.5%</b> | <b>100.0%</b>  | <b>12.5</b> | <b>1.6</b>  | <b>14.0</b> | <b>1.0</b> |
| <b>VN30</b>            | <b>-2.1%</b> | <b>-6.6%</b> | <b>-26.0%</b> |                | <b>10.5</b> | <b>1.6</b>  | <b>15.9</b> | <b>1.0</b> |

**Dòng vốn mạnh mẽ hỗ trợ VND khi đồng USD giữ ổn định.** Thặng dư thương mại cao và FDI giải ngân lớn đã hỗ trợ VND, tăng nhẹ so với USD M/M và YTD. Dòng vốn mạnh mẽ này giúp NHNN mua gần 6 tỷ USD dự trữ ngoại hối trong năm nay, nâng tổng số lên trên 90 tỷ USD. Chỉ số DXY đã duy trì quanh mức 101 nhưng có thể giảm khi Fed kết thúc chu kỳ thắt chặt, cung cấp một chất xúc tác khác cho việc mua dự trữ ngoại hối.

**Chính phủ đã thực hiện một số quy định để kích thích tăng trưởng.** Trong tháng Tư, chính phủ đã thông qua một số quy định chính, bao gồm:

- **Nghị định 12 quy định gia hạn nộp thuế TNDN, thuế TNCN, thuế GTGT và tiền thuế đất đến ngày 31/12;**
- **Thông tư 02 quy định điều khoản cơ cấu lại nợ doanh nghiệp.**
- **Thông tư 03 cho phép tổ chức tín dụng mua lại trái phiếu doanh nghiệp.**
- **Chính phủ đồng ý với đề xuất của Bộ Tài chính về việc giảm thuế VAT từ 10% xuống 8%.**

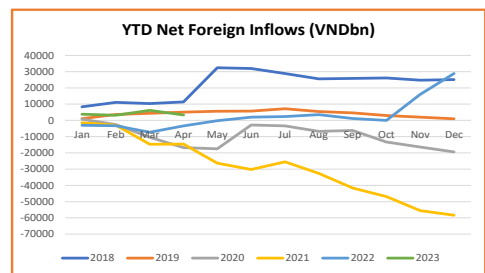
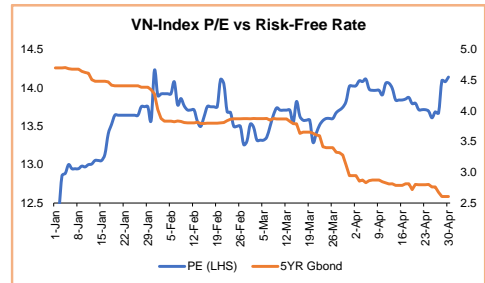
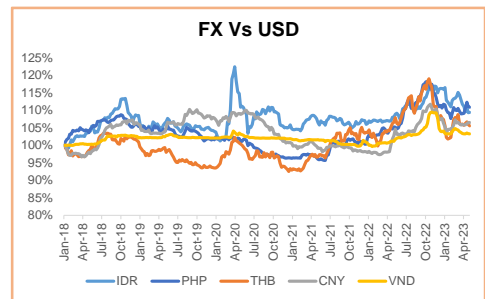
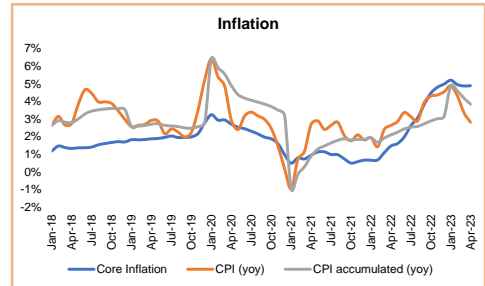
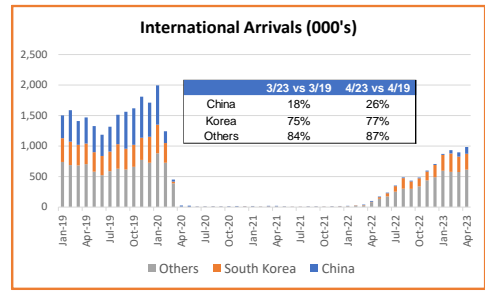
Kết hợp với nhau, những động thái này thể hiện quyết tâm của chính phủ trong việc kích thích tăng trưởng.

**Thị trường cổ phiếu đi ngang do tăng trưởng lợi nhuận yếu.** VN-Index giảm 1,5% trong tháng 4 nhưng vẫn tăng 4,2% so với cùng kỳ năm ngoái. Cổ phiếu ngành Vật liệu ghi nhận tăng trưởng giá nhờ mức giá hàng hóa toàn cầu cao hơn. Cổ phiếu Bất động sản giảm sau khi ghi nhận mức tăng đáng chú ý trong tháng 3. Báo cáo Lợi nhuận quý 1 gây thất vọng khi tổng lợi nhuận của 3 sàn giảm 26,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Lợi nhuận của lĩnh vực Bất động sản, Vận tải và Năng lượng phục hồi trong khi lợi nhuận của lĩnh vực Ngân hàng đi ngang và lợi nhuận của Dịch vụ tài chính phi ngân hàng cùng Tiêu dùng và Bán lẻ giảm mạnh. Ở mức 14,1x ttm EPS (cơ sở IFRS), định giá VN-Index vẫn thấp hơn so với các thị trường lân cận nhưng đang tiến gần hơn đến mức trung bình 5 năm là 18x.

**Lợi suất trái phiếu Chính Phủ giảm, hỗ trợ định giá vốn chủ sở hữu cao hơn.** Lợi suất trái phiếu Chính phủ tiếp tục giảm. Ví dụ, sau khi giảm 93 điểm cơ bản vào tháng 3, lợi suất trái phiếu Chính Phủ kỳ hạn 5 năm đã giảm thêm 34 bps xuống 2,61%. Mối tương quan giữa lợi suất trái phiếu và định giá vốn chủ sở hữu đã được thiết lập tốt trong những năm qua. Chúng ta có thể kỳ vọng thanh khoản thị trường được cải thiện khi lợi suất vẫn ở mức thấp.

**Các quỹ ETF dẫn dắt xu hướng rút ròng của dòng vốn ngoại.** Thị trường chứng khoán Việt Nam ghi nhận gần 120 triệu USD vốn ngoại rút ròng trong tháng 4 nhưng thị trường vẫn ghi nhận hơn 140 triệu USD dòng vốn ngoại mua ròng YTD. Các quỹ ETF đã đóng góp mạnh mẽ trong ba tháng đầu năm nhưng ghi nhận 27 triệu USD dòng vốn nước ngoài rút ròng trong tháng Tư.

| As of 28 April 2023                 | Vietnam VN-Index | Thailand SET Index | Philippines PCOMP Index | Indonesia JCI Index |
|-------------------------------------|------------------|--------------------|-------------------------|---------------------|
| TTM P/E                             | 14.1             | 18.7               | 14.6                    | 16.1                |
| P/B                                 | 1.6              | 1.5                | 1.6                     | 2.0                 |
| ROE                                 | 13.0             | 8.2                | 10.1                    | 11.9                |
| Market Cap (USDbn)                  | 178              | 548                | 170                     | 669                 |
| 3-Month Avg Daily Traded Value USDm | 369.5            | 1,469.8            | 79.9                    | 589.8               |
| 2022 Net Foreign Inflow (USDmn)     | 1,072.6          | 5,844.1            | (1,245.3)               | 4,316.7             |
| YTD 2023 Net Foreign Inflow (USDmn) | 87.2             | (1,888.7)          | (526.8)                 | 1,223.6             |
| 5YR Gov Bond Yield                  | 2.61%            | 2.15%              | 5.91%                   | 6.25%               |



Nguồn: Bloomberg & Fiiipr

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ

Trong tháng 4, quỹ SSIAM VFINLEAD ETF giảm 1,24%, bám sát chỉ số tham chiếu với điểm chuẩn giảm 1,19%. ETF đã mang lại mức tăng trưởng đáng chú ý 11,29% từ đầu năm đến nay và tăng trưởng hàng năm là 14,99% trong 3 năm qua. Kết quả này củng cố quan điểm rằng lĩnh vực Tài chính là một trong những lĩnh vực hấp dẫn nhất tại Việt Nam, khi đất nước tiếp tục mở rộng với tốc độ nhanh chóng và nhu cầu về các sản phẩm tài chính cho các cá nhân và tổ chức vẫn ở mức cao.

Xét từ góc độ vĩ mô, nền kinh tế vẫn gặp khó khăn trong việc tìm chỗ đứng sau sự chao đảo năm ngoái. Trong tháng trước, hoạt động kinh tế khá trầm lắng, với chỉ số Sản Xuất Công Nghiệp gần như không có biến động gì đặc biệt, đi ngang ở mức 0,51% so với cùng kỳ năm ngoái, doanh số bán lẻ tiếp tục chậm lại trong khi xuất khẩu giảm 22% so với năm trước. Nhìn về phía trước, PMI vẫn nằm trong vùng thu hẹp ở mức 46,7, điều này cho thấy sự cải thiện có thể không đến trong tương lai gần.

Tuy nhiên, CPI cũng đã đang chậm lại, chỉ tăng 2,81% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn đáng kể so với mục tiêu của Chính phủ, thanh khoản dồi dào buộc lãi suất liên ngân hàng phải giảm, mở ra cánh cửa cho NHNN đẩy mạnh chính sách tiền tệ. Tình trạng bán tháo trên thị trường trong quý 4 năm ngoái không còn nữa, giá trị giao dịch tại 3 thị trường cải thiện 28,8% so với tháng trước, cho thấy tâm lý thị trường ổn định.

Nhìn chung, chúng tôi nhấn mạnh lại quan điểm của mình rằng sự phục hồi sẽ cần nhiều thời gian hơn, nhưng điều tồi tệ nhất có thể đã qua và thị trường sẽ từ phục hồi. Khi định giá vẫn ở mức thấp hơn trong lịch sử, điều này sẽ tạo cơ hội cho các nhà đầu tư tăng trưởng lợi nhuận và hưởng lợi từ sự phát triển của Việt Nam trong dài hạn.

## DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ (% NAV)

| STT | Mã  | Tên công ty  | Tỷ trọng (%) | Vốn hóa (USD tr) | FOL | ROA (%) | ROE (%) | YTD 2023(%) | P/E   | P/B  | CTR  |
|-----|-----|--|--------------|------------------|-----|---------|---------|-------------|-------|------|------|
| 1   | TCB | Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam                  | 15,31        | 100.944.745      | 0%  | 2,86    | 17,85   | 14,12%      | 5,27  | 0,86 | 1,16 |
| 2   | VPB | Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng                | 14,85        | 130.571.818      | 0%  | 1,94    | 12,91   | 11,17%      | 10,82 | 1,31 | 0,98 |
| 3   | STB | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín    | 14,61        | 47.036.132       | 4%  | 0,99    | 14,90   | 12,44%      | 8,30  | 1,16 | 2,35 |
| 4   | MBB | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội              | 10,80        | 82.065.149       | 0%  | 2,55    | 24,79   | 7,89%       | 4,57  | 1,01 | 1,14 |
| 5   | SSI | Công ty cổ phần Chứng khoán SSI                    | 7,16         | 32.156.524       | 62% | 3,30    | 9,34    | 21,75%      | 14,74 | 1,44 | 0,59 |
| 6   | ACB | Ngân hàng TMCP Á Châu                              | 7,04         | 83.253.775       | 0%  | 2,55    | 26,25   | 10,50%      | 5,73  | 1,33 | -    |
| 7   | SHB | Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội                    | 4,49         | 33.582.413       | 26% | 1,48    | 19,20   | 12,56%      | 4,18  | 0,73 | -    |
| 8   | VND | CTCP Chứng khoán VNDIRECT                          | 3,81         | 17.962.865       | 88% | 1,49    | 4,76    | 10,37%      | 30,16 | 1,23 | 0,11 |
| 9   | VCB | Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam | 3,73         | 424.979.988      | 26% | 1,87    | 23,65   | 13,13%      | 13,74 | 2,94 | 1,68 |
| 10  | CTG | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam  | 2,69         | 133.840.154      | 5%  | 0,97    | 16,13   | 5,87%       | 7,91  | 1,19 | 0,22 |
| 11  | TPB | Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong            | 2,46         | 36.933.991       | 0%  | 1,97    | 20,89   | 13,06%      | 5,79  | 1,10 | 0,74 |
| 12  | HDB | Ngân hàng Phát triển TPHCM                         | 2,29         | 47.915.730       | 1%  | 1,89    | 22,62   | 17,87%      | 6,05  | 1,23 | 0,55 |

|    |            |  |      |             |      |      |       |         |       |      |       |
|----|------------|--|------|-------------|------|------|-------|---------|-------|------|-------|
| 13 | <b>LPB</b> | Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt                          | 2,09 | 23.688.744  | 0%   | 1,39 | 19,91 | 6,87%   | 5,01  | 0,94 | -     |
| 14 | <b>SSB</b> | Ngân hàng TMCP Đông Nam Á                                  | 2,07 | 64.167.381  | 6%   | 1,62 | 15,53 | -2,89%  | 16,37 | 2,37 | -     |
| 15 | <b>EIB</b> | Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam                     | 1,34 | 27.809.685  | 23%  | 1,68 | 15,12 | -18,86% | 9,29  | 1,31 | -3,05 |
| 16 | <b>VCI</b> | CTCP Chứng khoán Bản Việt                                  | 1,29 | 13.892.447  | 121% | 3,28 | 7,49  | 36,77%  | 26,41 | 2,02 | -     |
| 17 | <b>MSB</b> | Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam                           | 1,19 | 23.800.000  | 0%   | 2,17 | 18,33 | -6,00%  | 5,06  | 0,85 | -     |
| 18 | <b>VIB</b> | Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam                            | 1,16 | 42.469.610  | 0%   | 2,55 | 29,67 | 7,89%   | 4,84  | 1,30 | -     |
| 19 | <b>HCM</b> | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội                      | 0,58 | 11.407.438  | 0.05 | 3,76 | 8,88  | 0,08    | 16,45 | 1,42 | 1,14  |
| 20 | <b>BID</b> | Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 0,53 | 219.792.860 | 67%  | 1,01 | 20,93 | 12,69%  | 10,96 | 2,09 | 0,58  |
| 21 | <b>OCB</b> | Ngân hàng TMCP Phương Đông                                 | 0,34 | 21.575.655  | 1%   | 1,88 | 14,95 | -13,06% | 5,95  | 0,83 | -     |
| 22 | <b>BVH</b> | Tập đoàn Bảo Việt  | 0,17 | 34.072.615  | 62%  | 0,80 | 7,56  | -3,65%  | 21,17 | 1,63 | -0,06 |

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

### SSI ASSET MANAGEMENT CO LTD

#### Business Development – Director

Mr. Ho Minh Tri (+84) 28 3824 2897 ext 1628 or (+84) 90 888 9669

[trihm@ssi.com.vn](mailto:trihm@ssi.com.vn)

#### Portfolio Manager

Mr Nguyen Ky Minh Tel: (+84) 4 3936 6321 ext: 1637

[minhmk@ssi.com.vn](mailto:minhmk@ssi.com.vn)

### SSI SECURITIES CORPORATION (SSI)

#### Managing Director, Institutional Brokerage

Mr. Nguyen Anh Duc (+84) 979 585658

[ducna1@ssi.com.vn](mailto:ducna1@ssi.com.vn)

### MIRAE ASSET SECURITIES (VIET NAM) LIMITED LIABILITY COMPANY (MAS)

#### Sales Manager

Mr. Dinh Quang Thien (+84) 90 2474538

[thien.dq@miraeasset.com.vn](mailto:thien.dq@miraeasset.com.vn)

### BIDV SECURITIES JOINT STOCK COMPANY (BSC)

#### Head of Institutional Sales

Mr. Vu Thanh Phong (+84) 97 4740580

[phongvt@bsc.com.vn](mailto:phongvt@bsc.com.vn)

### KIS VIETNAM SECURITIES CORPORATION (KIS)

#### Head of Brokerage Dept

Ms. Lam Uyen (+84) 94 4411268

**KHUYẾN CÁO**

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI (SSIAM). Tài liệu này chỉ mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của SSIAM. SSIAM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

Trong trường hợp có bất kỳ thay đổi về thông tin nhà đầu trong Phần A của Hồ Sơ Nhà Đầu Tư đã gửi SSIAM, kính đề nghị Quý Nhà Đầu Tư cập nhật cho chúng tôi trong thời gian sớm nhất.

Tài liệu này không nên được sử dụng cho mục đích ghi nhận kế toán, thuế hay để đưa ra các quyết định đầu tư. Nhà Đầu Tư nên chú ý rằng kết quả hoạt động trong quá khứ không hàm ý đảm bảo cho kết quả hoạt động của Quý trong tương lai. Giá trị của một chứng chỉ quỹ và thu nhập của Quý có thể tăng hoặc giảm nên không thể được bảo đảm bởi Công Ty Quản Lý Quỹ. Trường hợp Nhà Đầu Tư nghi ngờ về quyết định đầu tư của mình thì nên tìm hiểu thêm thông tin hoặc tham khảo ý kiến chuyên gia để có quyết định đầu tư thích hợp.

**Asia Asset Management**

“Công Ty Quản Lý Quỹ tốt nhất Việt Nam” năm 2012, 2013, 2016

“Tổng Giám Đốc của Năm” năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2020, 2022

“Giám Đốc Đầu Tư của Năm” năm 2013, 2014, 2015

“Quỹ Mới của Năm” năm 2020

**Asian Investor**

“Công Ty Quản Lý Quỹ Nội Địa Tốt Nhất Việt Nam” năm 2010

“Công Ty Quản Lý Quỹ Tốt Nhất Việt Nam” năm 2015, 2016, 2017, 2018

“Hoạt động Phát triển Kinh doanh Tốt Nhất” năm 2022

**The Asset**

“Công Ty Quản Lý Quỹ của Năm” năm 2012, 2014, 2021, 2022

“Công Ty Quản Lý Quỹ Nội Địa của Năm” năm 2015, 2016, 2017, 2018

“Nhà cung cấp ETF của Năm” năm 2021

**Alpha Southeast Asia**

“Công ty quản lý quỹ và tài sản tốt nhất Việt Nam” năm 2020, 2021, 2022

“Công ty quản lý quỹ tốt nhất Việt Nam cho các danh mục bảo hiểm và chương trình hưu trí tư nhân” năm 2020, 2021

“Nhà quản lý quỹ tốt nhất (Quỹ Cân Bằng)” năm 2021